CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN BGI
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN BGI
Date: 2026.06.10 12:41:20 +07'00'

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN BGI
BGI GROUP JOINT STOCK COMPANY

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Independence – Freedom - Happiness

Số/ No.: 116 /TB-HĐQT

Hà Nội, ngày 10 tháng 6 năm 2026
Hanoi, day 10 month 6 year 2026

THÔNG BÁO THAY ĐỔI NHÂN SỰ
CHANGE IN PERSONNEL

(Mẫu áp dụng cho các trường hợp bổ nhiệm và/hoặc miễn nhiệm/từ nhiệm)
(Applied to cases of appointment and/or dismissal/resignatin)

Kính gửi: **Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam;**
To: **Vietnam Exchange;**
Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.
Hanoi Stock Exchange.

Căn cứ theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2026 số 12/2026/NQ-ĐHĐCĐ ngày 9 / 6 /2026 của Công ty cổ phần Tập đoàn BGI, Biên bản họp Hội đồng quản trị về bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị và Biên bản họp Ban kiểm soát về bầu Trưởng Ban kiểm soát, chúng tôi trân trọng thông báo việc thay đổi nhân sự của Công ty cổ phần Tập đoàn BGI như sau:

Based on the Resolution of the 2026 Annual General Meeting of Shareholders No.12 /2026/NQ-DHDCD dated 9 / 6 /2026 of BGI Group Joint Stock Company, the Minutes of the Board of Directors Meeting on the election of the Chairman of the Board of Directors, and the Minutes of the Supervisory Board Meeting on the election of the Head of the Supervisory Board, we would like to formally announce the changes in personnel of BGI Group Joint Stock Company as follows:

A. Trường hợp bổ nhiệm/ In case of appointment:

I. Trường hợp bổ nhiệm/ In case of appointment:

1. Ông (bà)/Mr./Ms.: Bùi Minh Tiến/ Bui Minh Tien.

- Chức vụ trước khi bổ nhiệm/ *Former position in the organization*: Trưởng Phòng TT&KSNB Công ty cổ phần Tập đoàn BGI/ *Head of Internal Communication & Control Department – BGI Group Joint Stock Company.*
- Chức vụ được bổ nhiệm/ *Newly appointed position*: Thành viên Ban kiểm soát/ *Member of the Supervisory Board.*
- Thời hạn bổ nhiệm/ *Term*: Theo nhiệm kỳ 2026-2031/ *For the 2026-2031 term.*
- Ngày bắt đầu có hiệu lực/ *Effective date*: 09/06/2026.

2. Ông (bà)/Mr./Ms.: Phạm Như Hải/ Pham Nhu Hai

- Chức vụ trước khi bổ nhiệm/ *Former position in the organization*: Không/ *No.*
- Chức vụ được bổ nhiệm/ *Newly appointed position*: Thành viên Ban kiểm soát/ *Member of the Supervisory Board.*
- Thời hạn bổ nhiệm/ *Term*: Theo nhiệm kỳ 2026-2031/ *For the 2026-2031 term.*
- Ngày bắt đầu có hiệu lực/ *Effective date*: 09/06/2026.

II. Trường hợp bổ nhiệm lại (nhiệm kỳ 2026-2031)/ In case of re-appointment (for the 2026-2031 term):

1. Ông (bà)/*Mr./Ms.*: Hoàng Trọng Đức/ *Hoang Trong Duc.*

- Chức vụ trước khi bổ nhiệm/ *Former position in the organization*: Chủ tịch Hội đồng quản trị/ *Chairman of the Board of Directors.*

- Chức vụ được bổ nhiệm/ *Newly appointed position*: Chủ tịch Hội đồng quản trị/ *Chairman of the Board of Directors.*
- Thời hạn bổ nhiệm/ *Term*: Theo nhiệm kỳ 2026-2031/ *For the 2026-2031 term.*
- Ngày bắt đầu có hiệu lực/ *Effective date*: 09/06/2026.

2. Ông (bà)/*Mr./Ms.*: Hoàng Anh Tú/ *Hoang Anh Tu.*
- Chức vụ trước khi bổ nhiệm/ *Former position in the organization*: Thành viên Hội đồng quản trị, Phó Tổng Giám đốc/ *Member of the Board of Directors, Deputy General Director.*
- Chức vụ được bổ nhiệm/ *Newly appointed position*: Thành viên Hội đồng quản trị/ *Member of the Board of Directors.*
- Thời hạn bổ nhiệm/ *Term*: Theo nhiệm kỳ 2026-2031/ *For the 2026-2031 term.*
- Ngày bắt đầu có hiệu lực/ *Effective date*: 09/06/2026.

3. Ông (bà)/*Mr./Ms.*: Phí Mạnh Hậu/ *Phi Manh Hau.*
- Chức vụ trước khi bổ nhiệm/ *Former position in the organization*: Thành viên Hội đồng quản trị, Trưởng Ban Hành chính nhân sự pháp chế/ *Member of the Board of Directors, Head of Administration Human Resources and Legal Department.*
- Chức vụ được bổ nhiệm/ *Newly appointed position*: Thành viên Hội đồng quản trị/ *Member of the Board of Directors.*
- Thời hạn bổ nhiệm/ *Term*: Theo nhiệm kỳ 2026-2031/ *For the 2026-2031 term.*
- Ngày bắt đầu có hiệu lực/ *Effective date*: 09/06/2026.

4. Ông (bà)/*Mr./Ms.*: Nguyễn Ngọc Minh/ *Nguyen Ngoc Minh.*
- Chức vụ trước khi bổ nhiệm/ *Former position in the organization*: Thành viên độc lập HĐQT/ *Independent Member of the Board of Directors.*
- Chức vụ được bổ nhiệm/ *Newly appointed position*: Thành viên độc lập Hội đồng quản trị/ *Independent Member of the Board of Directors.*
- Thời hạn bổ nhiệm/ *Term*: Theo nhiệm kỳ 2026-2031/ *For the 2026-2031 term.*
- Ngày bắt đầu có hiệu lực/ *Effective date*: 09/06/2026.

5. Ông (bà)/*Mr./Ms.*: Nguyễn Doãn Dũng/ *Nguyen Doan Dung.*
- Chức vụ trước khi bổ nhiệm/ *Former position in the organization*: Trưởng Ban kiểm soát/ *Head of the Supervisory Board.*
- Chức vụ được bổ nhiệm/ *Newly appointed position*: Trưởng Ban kiểm soát/ *Head of the Supervisory Board.*
- Thời hạn bổ nhiệm/ *Term*: Theo nhiệm kỳ 2026-2031/ *For the 2026-2031 term.*
- Ngày bắt đầu có hiệu lực/ *Effective date*: 09/06/2026.

B. Trường hợp miễn nhiệm/từ nhiệm/ *In case of dismissal/resignation*:

1. Ông (bà)/*Mr./Ms.*: Bùi Việt Anh/ *Bui Viet Anh.*
- Chức vụ trước khi miễn nhiệm/ *Former position in the organization*: Thành viên Hội đồng quản trị/ *Member of the Board of Directors.*
- Không còn đảm nhiệm chức vụ/ *Dismissed/Resigned position*: Thành viên Hội đồng quản trị/ *Member of the Board of Directors.*
- Chức vụ còn nắm giữ: Sau khi miễn nhiệm, Ông *Bùi Việt Anh* không còn là người nội bộ của Công ty.

Positions still held: After resignation, Mr. Bui Viet Anh is no longer an internal person of the Company.
- Lý do miễn nhiệm (nếu có)/*Reason (if any):* Hết nhiệm kỳ/ *End of term.*
- Ngày bắt đầu có hiệu lực/ *Effective date*: 09/06/2026.

2. Ông (bà)/*Mr./Ms.*: Nguyễn Hùng Cường/ *Nguyen Hung Cuong.*
- Chức vụ trước khi miễn nhiệm/ *Former position in the organization*: Thành viên Ban kiểm soát/ *Member of the Supervisory Board.*
- Không còn đảm nhiệm chức vụ/ *Dismissed/Resigned position*: Thành viên Ban kiểm soát/ *Member of the Supervisory Board.*
- Chức vụ còn nắm giữ: Sau khi miễn nhiệm, Ông *Nguyễn Hùng Cường* không còn là người nội bộ của Công ty.

Positions still held: After resignation, Mr. Nguyen Hung Cuong is no longer an internal person of the Company.

- Lý do miễn nhiệm (nếu có)/*Reason (if any):* Hết nhiệm kỳ/ *End of term.*
- Ngày bắt đầu có hiệu lực/ *Effective date*: 09/06/2026.

3. Ông (bà)/*Mr./Ms.*: Nguyễn Thế Đồng/ *Nguyen The Dong.*

- Chức vụ trước khi miễn nhiệm/ *Former position in the organization*: Thành viên Ban kiểm soát/ *Member of the Supervisory Board.*
- Không còn đảm nhiệm chức vụ/ *Dismissed/Resigned position*: Thành viên Ban kiểm soát/ *Member of the Supervisory Board.*
- Chức vụ còn nắm giữ: Sau khi miễn nhiệm, Ông *Nguyễn Thế Đồng* không còn là người nội bộ của Công ty.

Positions still held: After resignation, Mr. Nguyen The Dong is no longer an internal person of the Company.

- Lý do miễn nhiệm (nếu có)/ *Reason (if any):* Hết nhiệm kỳ/ *End of term.*
- Ngày bắt đầu có hiệu lực/ *Effective date*: 09/06/2026.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 10/ 6 /2026 tại đường dẫn: www.bgi.vn.

This information was published on the company's website on 10 / 6 /2026, as in the link www.bgi.vn.

**** Tài liệu đính kèm/Attached documents:***

- Nghị quyết ĐHĐCĐ số 13 /2026/NQ-ĐHĐCĐ, ngày 9 / 6 /2026.
Resolution of the General Meeting of Shareholders No. 13 /2026/NQ-DHDCD, dated 9/6 /2026.

- Bản cung cấp thông tin theo mẫu Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tu số 96/2020/TT-BTC.
Information Disclosure Form as Appendix III issued with Circular No.96/2020/TT-BTC.

Đại diện tổ chức
Organization Representative
Người đại diện theo pháp luật
Legal representative
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)
(Signature, full name, position and seal)

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN BGI
BGI GROUP
MSDN: 0100105743

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Hoàng Trọng Đức

BẢN CUNG CẤP THÔNG TIN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Independence - Freedom - Happiness

Hà Nội, ngày 09 tháng 06 năm 2026
Hanoi, June 09, 2026

BẢN CUNG CẤP THÔNG TIN
INFORMATION DISCLOSURE SHEET

Kính gửi (To): - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
State Securities Commission;
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.
Hanoi Stock Exchange.

1/ Họ và tên */Full name:* **BÙI MINH TIẾN/ BUI MINH TIEN**

2/ Giới tính/Sex: Nam/Male.

3/ Ngày tháng năm sinh/*Date of birth:* 12/07/1978

4/ Nơi sinh/Place *of birth:*

5/ Số CMND (hoặc số hộ chiếu)/ *ID card No. (or Passport No.):*

Ngày *cấp/Date of issue:* Nơi cấp/*Place of issue:*.

6/ Quốc *tịch/Nationality:* Việt Nam/ *Vietnam.*

7/ Dân tộc/*Ethnic:* Kinh/ *Respectfully.*

8/ Địa chỉ thường *trú/Permanent residence:*

9/ Số điện/*Telephone number:*

10/ Địa chỉ email/Email:

11/ Tên tổ chức là đối tượng công bố thông tin/ *Organisation's name subject to information disclosure rules:* CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN/ *BGI BGI GROUP JOINT STOCK COMPANY.*

12/ Chức vụ hiện nay tại tổ chức là đối tượng công bố thông tin/ *Current position in an organization subject to information disclosure:* Thành viên Ban kiểm soát/ *Member of the Supervisory Board.*

13/ Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác/*Positions in other companies:* Không có/ *None.*

14/ Số CP nắm giữ: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ, trong đó/ *Number of shares held: 0 shares, accounting for 0% of charter capital, in which:*

+ Đại diện (tên tổ chức là Nhà nước/cổ đông chiến lược/tổ chức khác) sở hữu/*Owning on behalf of (the State/strategic investor/other organisation):* 0 cổ phần/*0 shares.*

+ Cá nhân sở hữu/ *Owning by Individual:* 0 cổ phần/*0 shares.*

15/ Các cam kết nắm giữ (nếu có)/*Other owning commitments (if any):*

16/ Danh sách người có liên quan của người khai* */List of affiliated persons of declarant:* Kê khai theo danh sách đính kèm/ *Declared according to the attached list.*

---

* Người có liên quan theo quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán ngày 26/11/2019/*Related person(s) as prescribed in Clause 46, Article 4 of the Law on Securities dated November 26, 2019.*

17/ Lợi ích liên quan đối với Công ty đại chúng, quỹ đại chúng (nếu *có)/Related interest with public company, public fund (if any):* Không có/ *None.*

18/ Quyền lợi mẫu thuẫn với Công ty đại chúng, quỹ đại chúng (nếu có)/ *Interest in conflict with public company, public fund (if any):* Không có/ *None.*

Tôi cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật/*I hereby certify that the information provided in this cv is true and correct and I will bear the full responsibility to the law.*

NGƯỜI KHAI /
DECLARANT
(Ký, ghi rõ họ tên)

BÙI MINH TIẾN

DANH SÁCH NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN/ LIST OF RELATED PERSONS
(Kèm theo Bản cung cấp thông tin của cá nhân ông Bùi Minh Tiến/ *Enclosed with the Personal Information Provision Form of Mr. Bui Minh Tien*)

(Người có liên quan bao gồm/ Related persons include:
1) Doanh nghiệp mà cá nhân giữ một trong các chức vụ: Thành viên HĐQT/BKS, thành viên HĐTV, Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc tài chính;
Enterprises in which the individual holds one of the following positions: Member of the Board of Directors / Supervisory Board, Member of the Members' Council, Director, Deputy Director, Chief Accountant, Chief Financial Officer;
2) Doanh nghiệp mà cá nhân sở hữu trên 10% số cổ phiếu có quyền biểu quyết hoặc vốn góp của doanh nghiệp đó,
Enterprises in which the individual owns more than 10% of the voting shares or charter capital of such enterprise,
3) Bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, vợ, chồng, con đẻ, con nuôi, con dâu, con rể, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của cá nhân)
Biological father, biological mother, adoptive father, adoptive mother, father-in-law, mother-in-law, biological child, adoptive child, daughter-in-law, son-in-law, biological brother, biological sister, brother-in-law, sister-in-law of the individual)

Stt /No.	**Mã CK** *Stock Code*	**Tên tổ chức/cá nhân** *Name of organization/individual*	**Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)** *Securities trading account (if any)*	**Chức vụ tại công ty (nếu có)** *Position at the company (if any)*	**Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ** *Relationship with the company/internal person*	**Loại hình Giấy NSH (*) (CMND/ Passport/ Giấy ĐKKD)** *Type of ID Document (*) (ID Card/ Passport/ Business Registration Certificate)*	**Số Giấy NSH (*)** *ID Document Number (*)*	**Ngày cấp** *Date of issue*	**Nơi cấp** *Place of issue*	**Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ** *Head office address/ Contact address*	**Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ** *Number of shares owned at the end of the period*	**Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ** *Percentage of share ownership at the end of the period*	**Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/ người nội bộ** *Time of starting to be a related person of the company/internal person*	**Thời điểm không còn là người có liên quan của công ty/ người nội bộ** *Time of ceasing to be a related person of the company/internal person*	**Lý do (khi phát sinh thay đổi liên quan đến mục 13 và 14)** *Reason for amendment(s) /Reason for change(s) (regarding items 13 and 14)*	**Ghi chú (về việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác)/** *Notes (regarding the absence of the NSH document number and other notes)*
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*	*(14)*	*(15)*	*(16)*	*(17)*
1	VC7	Bùi Minh Tiến/ Bui Minh Tien			Người nội bộ/ *Insider*	CCCC/ID Card							09/6/2026			
2		Bùi Văn Thảo/ Bui Van Thao			Bố đẻ / Biological Father	CCCC/ID Card							09/6/2026			
3		Nguyễn Thị An/ Nguyen Thi An			Mẹ đẻ / Biological Mother	CCCC/ID Card							09/6/2026			
4		Trịnh Thị Phương Hoa/ Trinh Thi Phuong Hoa			Vợ/ Wife	CCCC/ID Card							09/6/2026			
5		Bùi Gia Bảo/ Bui Gia Bao			Con trai/ Son	CCCC/ID Card							09/6/2026			
6		Bùi Đức Đam/ Bui Duc Dam			Con trai/ Son	CC/ ID Card							09/6/2026			
7		Bùi Ngọc Dũng/ Bui Ngoc Dung			Em trai/ Younger Brother	CCCC/ID Card							09/6/2026			
8		Nguyễn Thị Huế/ Nguyen Thi Hue			Em dâu/ Sister-in-law	CCCC/ID Card							09/6/2026			
9		Bùi Thị Thanh Thúy/Bui Thi Thanh Thuy			Em gái / Younger Sister	CCCC/ID Card							09/6/2026			

10		Phùng Ngọc Hùng Cường /Phung Ngoc Hung Cuong			Em rể / Brother-in-law	CCCC/ID Card							09/6/2026			
11		Trịnh Minh Đạo/Trinh Minh Dao			Bố vợ / Father-in-law	CCCC/ID Card							09/6/2026			
12		Nguyễn Thị Nguyệt/ Nguyen Thi Nguyet			Mẹ vợ/ Mother-in-law	CCCC/ID Card							09/6/2026			

BẢN CUNG CẤP THÔNG TIN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Independence - Freedom - Happiness

Hà Nội, ngày 09 tháng 06 năm 2026
Hanoi, June 09, 2026

BẢN CUNG CẤP THÔNG TIN
INFORMATION DISCLOSURE SHEET

Kính gửi (To): **- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;**
State Securities Commission;
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.
Hanoi Stock Exchange.

1/ Họ và tên */Full name:* **PHẠM NHƯ HẢI/ PHAM NHU HAI**
2/ Giới tính/Sex: Nam/Male.
3/ Ngày tháng năm sinh/*Date of birth:* 05/07/1981
4/ Nơi sinh/Place *of birth:*
5/ Số CMND (hoặc số hộ chiếu)/ *ID card No. (or Passport No.):*
Ngày *cấp/Date of issue:* Nơi cấp/*Place of issue:*
6/ Quốc *tịch/Nationality:* Việt Nam/ *Vietnam.*
7/ Dân tộc/*Ethnic:* Kinh/ *Respectfully.*
8/ Địa chỉ thường *trú/Permanent residence:*
9/ Số điện/*Telephone number:*
10/ Địa chỉ email/Email:
11/ Tên tổ chức là đối tượng công bố thông tin/ *Organisation's name subject to information disclosure rules:* CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN/ *BGI BGI GROUP JOINT STOCK COMPANY.*
12/ Chức vụ hiện nay tại tổ chức là đối tượng công bố thông tin/ *Current position in an organization subject to information disclosure:* Thành viên Ban kiểm soát/ *Member of the Supervisory Board.*
13/ Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác/*Positions in other companies:* Không có/ *None.*
14/ Số CP nắm giữ: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ, trong đó/ *Number of shares held: 0 shares, accounting for 0% of charter capital, in which:*
+ Đại diện (tên tổ chức là Nhà nước/cổ đông chiến lược/tổ chức khác) sở hữu/*Owning on behalf of (the State/strategic investor/other organisation):* 0 cổ phần/*0 shares.*
+ Cá nhân sở hữu/ *Owning by Individual:* 0 cổ phần/*0 shares.*
15/ Các cam kết nắm giữ (nếu có)/*Other owning commitments (if any):*
16/ Danh sách người có liên quan của người khai* */List of affiliated persons of declarant:* Kê khai theo danh sách đính kèm/ *Declared according to the attached list.*

---

* Người có liên quan theo quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán ngày 26/11/2019/*Related person(s) as prescribed in Clause 46, Article 4 of the Law on Securities dated November 26, 2019.*

17/ Lợi ích liên quan đối với Công ty đại chúng, quỹ đại chúng (nếu *có)/Related interest with public company, public fund (if any):* Không có/ *None.*

18/ Quyền lợi mẫu thuẫn với Công ty đại chúng, quỹ đại chúng (nếu có)/ *Interest in conflict with public company, public fund (if any):* Không có/ *None.*

Tôi cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật/*I hereby certify that the information provided in this cv is true and correct and I will bear the full responsibility to the law.*

NGƯỜI KHAI /
DECLARANT
(Ký, ghi rõ họ tên)

PHẠM NHƯ HẢI

DANH SÁCH NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN/ LIST OF RELATED PERSONS
(Kèm theo Bản cung cấp thông tin của cá nhân ông Phạm Như Hải/ *Enclosed with the Personal Information Provision Form of Mr. Pham Nhu Hai*)

(Người có liên quan bao gồm/ Related persons include:
1) Doanh nghiệp mà cá nhân giữ một trong các chức vụ: Thành viên HĐQT/BKS, thành viên HĐTV, Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc tài chính;
Enterprises in which the individual holds one of the following positions: Member of the Board of Directors / Supervisory Board, Member of the Members' Council, Director, Deputy Director, Chief Accountant, Chief Financial Officer;
2) Doanh nghiệp mà cá nhân sở hữu trên 10% số cổ phiếu có quyền biểu quyết hoặc vốn góp của doanh nghiệp đó,
Enterprises in which the individual owns more than 10% of the voting shares or charter capital of such enterprise,
3) Bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, vợ, chồng, con đẻ, con nuôi, con dâu, con rể, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của cá nhân)
Biological father, biological mother, adoptive father, adoptive mother, father-in-law, mother-in-law, biological child, adoptive child, daughter-in-law, son-in-law, biological brother, biological sister, brother-in-law, sister-in-law of the individual)

Stt /No.	Mã CK *Stock Code*	Tên tổ chức/cá nhân *Name of organization/individual*	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) *Securities trading account (if any)*	Chức vụ tại công ty (nếu có) *Position at the company (if any)*	Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ *Relationship with the company/internal person*	Loại hình Giấy NSH (*) (CMND/ Passport/Giấy ĐKKD) *Type of ID Document (*) (ID Card/ Passport/ Business Registration Certificate)*	Số Giấy NSH (*) *ID Document Number (*)*	Ngày cấp *Date of issue*	Nơi cấp *Place of issue*	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ *Head office address/ Contact address*	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ *Number of shares owned at the end of the period*	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ *Percentage of share ownership at the end of the period*	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/ người nội bộ *Time of starting to be a related person of the company/internal person*	Thời điểm không còn là người có liên quan của công ty/ người nội bộ *Time of ceasing to be a related person of the company /internal person*	Lý do (khi phát sinh thay đổi liên quan đến mục 13 và 14) *Reason for amendment(s) /Reason for change(s) (regarding items 13 and 14)*	Ghi chú (về việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác)/ *Notes (regarding the absence of the NSH document number and other notes)*
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*	*(14)*	*(15)*	*(16)*	*(17)*
1	VC7	Phạm Như Hải/ Pham Nhu Hai			Người nội bộ/ *Insider*	CCCC/ID Card							09/6/2026			
2		Phạm Như Bình/Pham Nhu Binh			Bố đẻ / Biological Father	CCCC/ID Card							09/6/2026			
3		Nguyễn Thị Đông/Nguyen Thi Dong			Mẹ đẻ / Biological Mother	CCCC/ID Card							09/6/2026			
4		Đinh Thị Lụa/Đinh Thi Lua			Vợ/ Wife	CCCC/ID Card							09/6/2026			
5		Phạm Tuấn Đức/Pham Tuan Duc			Con trai/ Son	CCCC/ID Card							09/6/2026			
6		Phạm Tuấn Tài/Pham Tuan Tai			Con trai/ Son	CC/ID Card							09/6/2026			
7		Phạm Như Dương/Pham Nhu Duong			Anh trai/ Older brother	CCCC/ID Card							09/6/2026			
8		Nguyễn Thị Lệ/Nguyen Thi Le			Chị dâu/ Sister-in-law	CCCC/ID Card							09/6/2026			
9		Phạm Như Nam/Pham Nhu Nam			Em trai/ Younger Brother	CCCC/ID Card							09/6/2026			
10		Nguyễn Thị Tuyết/Nguyen Thi Tuyet			Em dâu/ Sister-in-law -in-law	CCCC/ID Card							09/6/2026			
11		Đinh Công Kiêu/Dinh Cong Kieu			Bố vợ / Father-in-law	CCCC/ID Card							09/6/2026			
12		Bùi Thị Len/Bui Thi Len			Mẹ vợ/ Mother-in-law	CCCC/ID Card							09/6/2026			

DANH SÁCH NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN/ LIST OF RELATED PERSONS
Của ông Bùi Việt Anh/ Of Mr. Bui Viet Anh

Stt *No.*	Mã CK *Stock Code*	Tên tổ chức/cá nhân *Name of organization/individual*	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) *Securities trading account (if any)*	Chức vụ tại công ty (nếu có) *Position at the company (if any)*	Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ *Relationship with the company/internal person*	Loại hình Giấy NSH (*) (CMND/ Passport/ Giấy ĐKKD) *Type of ID Document (*) (ID Card/ Passport/ Business Registration Certificate)*	Số Giấy NSH (*) *ID Document Number (*)*	Ngày cấp *Date of issue*	Nơi cấp *Place of issue*	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ *Head office address/ Contact address*	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ *Number of shares owned at the end of the period*	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ *Percentage of share ownership at the end of the period*	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/ người nội bộ *Time of starting to be a related person of the company/ internal person*	Thời điểm không còn là người có liên quan của công ty/ người nội bộ *Time of ceasing to be a related person of the company/internal person*	Lý do *Reason*
1	VC7	Bùi Việt Anh/ *Bui Viet Anh*			Người nội bộ/ *Insider*	CCCD/ *Citizen Identity Card*							09/4/2019	09/6/2026	Hết nhiệm kỳ/ *Expiration of term*
2		Công ty cổ phần xây dựng BGI/ *BGI Construction Joint Stock Company*			Là Công ty con/Ông Bùi Việt Anh làm Thành viên HĐQT/ *Subsidiary / Mr. Bui Viet Anh serves as a Member of the BOD*	Giấy ĐKKD/ *Enterprise Registration Certificate*							17/8/2020	09/6/2026	
3		Bùi Hải Sâm/ *Bui Hai Sam*			Anh ruột/ *Brother*	CCCD/ *Citizen Identity Card*							09/4/2019	20/10/2025	Đã mất/ *Deceased*
4		Bùi Duy Lâm/ *Bui Duy Lam*			Anh ruột/ *Brother*	CCCD/ *Citizen Identity Card*							09/4/2019	09/6/2026	
5		Nguyễn Thị Thu Hiền/ *Nguyen Thi Thu Hien*			Chị dâu/ *Sister-in-law*	CCCD/ *Citizen Identity Card*							09/4/2019	09/6/2026	
6		Bùi Thúy Quỳnh/ *Bui Thuy Quynh*			Chị ruột/ *Sister*	CCCD/ *Citizen Identity Card*							09/4/2019	09/6/2026	
7		Trần Quốc Hùng/ *Tran Quoc Hung*			Anh rể/ *Brother-in-law*	CCCD/ *Citizen Identity Card*							09/4/2019	09/6/2026	

8		Bùi Hải Phong/ *Bui Hai Phong*			Anh ruột/ *Brother*	CCCD/ *Citizen Identity Card*							09/4/2019	09/6/2026	
9		Ngô Lan Hương/ *Ngo Lan Huong*			Vợ/ *Wife*	CCCD/ *Citizen Identity Card*							09/4/2019	09/6/2026	
10		Bùi Mai Phương/ *Bui Mai Phuong*			Con đẻ/ *Biological child*	CCCD/ *Citizen Identity Card*							09/4/2019	09/6/2026	
11		Bùi Công Minh/ *Bui Cong Minh*			Con đẻ/ *Biological child*	CCCD/ *Citizen Identity Card*							09/4/2019	09/6/2026	
12		Ngô Đình Hiển/ Ngo Dinh Hien			Bố vợ/ *Father-in-law*	CCCD/ *Citizen Identity Card*							09/4/2019	09/6/2026	
13		Nghiêm Thị Lý/ *Nghiem Thi Ly*			Mẹ vợ/ *Mother-in-law*	CCCD/ *Citizen Identity Card*							09/4/2019	09/6/2026	

DANH SÁCH NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN/ LIST OF RELATED PERSONS
Của ông Nguyễn Hùng Cường/ Of Mr. Nguyen Hung Cuong

Stt *No.*	Mã CK *Stock Code*	Tên tổ chức/cá nhân *Name of organization/individual*	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) *Securities trading account (if any)*	Chức vụ tại công ty (nếu có) *Position at the company (if any)*	Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ *Relationship with the company/internal person*	Loại hình Giấy NSH (*) (CMND/ Passport/ Giấy ĐKKD) *Type of ID Document (*) (ID Card/ Passport/ Business Registration Certificate)*	Số Giấy NSH (*) *ID Document Number (*)*	Ngày cấp *Date of issue*	Nơi cấp *Place of issue*	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ *Head office address/ Contact address*	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ *Number of shares owned at the end of the period*	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ *Percentage of share ownership at the end of the period*	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/ người nội bộ *Time of starting to be a related person of the company/ internal person*	Thời điểm không còn là người có liên quan của công ty/ người nội bộ *Time of ceasing to be a related person of the company /internal person*	Lý do *Reason*
1	VC7	Nguyễn Hùng Cường/ *Nguyen Hung Cuong*			Người nội bộ/ *Internal person*	Căn cước/ *ID Card*							19/3/2021	09/6/2026	Hết nhiệm kỳ/ *End of term*
2		Nguyễn Xuân Hiền/ *Nguyen Xuan Hien*			Anh ruột/ *Older brother*	CCCD/ *Citizen Identity Card*							19/3/2021	09/6/2026	
3		Phạm Thị Vân/ *Pham Thi Van*			Chị dâu/ *Sister-in-law*	CCCD/ *Citizen Identity Card*							19/3/2021	09/6/2026	
4		Nguyễn Thị Hào/ *Nguyen Thi Hao*			Chị ruột/ *Older sister*	CCCD/ *Citizen Identity Card*							19/3/2021	09/6/2026	
5		Đinh Trọng Huân/ *Dinh Trong Huan*			Anh rể/ *Brother-in-law*	CCCD/ *Citizen Identity Card*							19/3/2021	09/6/2026	
6		Nguyễn Thị Văn/ *Nguyen Thi Van*			Chị ruột/ *Older sister*	CCCD/ *Citizen Identity Card*							19/3/2021	09/6/2026	
7		Nguyễn Hữu Chung/ *Nguyen Huu Chung*			Anh rể/ *Brother-in-law*	CCCD/ *Citizen Identity Card*							19/3/2021	09/6/2026	
8		Nguyễn Thị Minh/ *Nguyen Thi Minh*			Chị ruột/ *Older sister*	CCCD/ *Citizen Identity Card*							19/3/2021	09/6/2026	
9		Ngô Đình Thân/ *Ngo Dinh Than*			Anh rể/ *Brother-in-law*	CCCD/ *Citizen Identity Card*							19/3/2021	09/6/2026	

10		Nguyễn Thị Hằng/ *Nguyen Thi Hang*			Em gái/ *Sister*	CCCD/ *Citizen Identity Card*							19/3/2021	09/6/2026	
11		Nguyễn Duy Khai/ *Nguyen Duy Khai*			Em rể/ *Brother-in-law*	CCCD/ *Citizen Identity Card*							19/3/2021	09/6/2026	
12		Vũ Văn Lộc/ *Vu Van Loc*			Bố vợ/ *Father-in-law*								19/3/2021	09/6/2026	
13		Vũ Thị Sinh/ *Vu Thi Sinh*			Vợ/ *Wife*	CCCD/ *Citizen Identity Card*							19/3/2021	09/6/2026	
14		Nguyễn Phúc Bảo/ *Nguyen Phuc Bao*			Con đẻ/ *Biological child*	CCCD/ *Citizen Identity Card*							19/3/2021	09/6/2026	
15		Nguyễn Thúy Hạnh/ *Nguyen Thuy Hanh*			Con đẻ/ *Biological child*								19/3/2021	09/6/2026	Còn nhỏ/ *Underage*

DANH SÁCH NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN/ LIST OF RELATED PERSONS
Của ông Nguyễn Thế Đồng/ Of Mr. Nguyen The Dong

Stt *No.*	Mã CK *Stock Code*	Tên tổ chức/cá nhân *Name of organization/individual*	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) *Securities trading account (if any)*	Chức vụ tại công ty (nếu có) *Position at the company (if any)*	Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ *Relationship with the company/internal person*	Loại hình Giấy NSH (*) (CMND/ Passport/ Giấy ĐKKD) *Type of ID Document (*) (ID Card/ Passport/ Business Registration Certificate)*	Số Giấy NSH (*) *ID Document Number (*)*	Ngày cấp *Date of issue*	Nơi cấp *Place of issue*	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ *Head office address/ Contact address*	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ *Number of shares owned at the end of the period*	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ *Percentage of share ownership at the end of the period*	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/ người nội bộ *Time of starting to be a related person of the company/internal person*	Thời điểm không còn là người có liên quan của công ty/ người nội bộ *Time of ceasing to be a related person of the company/internal person*	Lý do *Reason*
1	VC7	Nguyễn Thế Đồng/ Nguyen Th Dong			Người nội bộ/ *Internal person*	CCCD/ *Citizen Identity Card*							25/6/2024	09/6/2026	Hết nhiệm kỳ/ *End of term*
2		Nguyễn Đăng Sáu/Nguyen Dang Sau			*Bố đẻ/ Father*								25/6/2024	09/6/2026	Đã mất/ *Deceased*
3		Mai Thị Hải/ Mai Thi Hai			*Mẹ đẻ/ Mother*	CCCD/ *Citizen Identity Card*							25/6/2024	09/6/2026	
4		Nguyễn Ngân Khánh/ Nguyen Ngan Khanh			Con đẻ/ *Biological child*								25/6/2024	09/6/2026	Còn nhỏ/ *Underage*
5		Nguyễn Bách Tùng Lâm/ Nguyen Bach Tung Lam			Con đẻ/ *Biological child*								25/6/2024	09/6/2026	Còn nhỏ/ *Underage*
6		Nguyễn Võ Trí Nhân/ Nguyen Vo Tri Nhan			Con đẻ/ *Biological child*								25/6/2024	09/6/2026	Còn nhỏ/ *Underage*
7		Nguyễn Quốc Triệu/ Nguyen Quoc Trieu			Anh ruột/ *Older brother*	CCCD/ *Citizen Identity Card*							25/6/2024	09/6/2026	
8		Bùi Thị Sơn/ Bùi Thi Son			Chị dâu/ *Sister-in-law*	CCCD/ *Citizen Identity Card*							25/6/2024	09/6/2026	